

Bản án số: 361/2021/HS-PT
Ngày: 26 - 9 - 2021

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Phạm Việt Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Hiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 278/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Huỳnh Văn C; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HSST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Huỳnh Văn C, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1980; tại tỉnh Bình Định. Trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Huỳnh N1 và bà Ngô Thị T; có vợ là Đinh Thị Ngọc M (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-5-2020 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn C: Ông Nguyễn Văn H-Văn phòng Luật sư H1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt; bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015 đến tháng 01/2017, bị cáo Huỳnh Văn C làm cán bộ Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N kiêm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N. Từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2019, bị cáo giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N. Nhiệm vụ của bị cáo được giao trong hai giai đoạn trên là đo đạc bản đồ, trích đo hồ sơ địa chính thửa đất; thống kê, kiểm kê đất đai; chỉnh lý biến động đất đai; lập hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSD đất) tại địa bàn các xã S, Đ, Đ1 và thị trấn P, huyện N.

Trong thời gian công tác từ năm 2016 đến năm 2017, bị cáo nhiều lần tiếp nhận, quản lý phôi Giấy CNQSD đất để thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất cho người dân. Trong quá trình công tác, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn; lợi dụng việc được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, sử dụng phôi Giấy CNQSD đất, đã không thực hiện việc đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định, mà tự ý cập nhập thông tin của người dân, thông tin về thửa đất vào phôi Giấy CNQSD đất rồi tự ý ký giả chữ ký của ông Vương Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND huyện N; sau đó mang Giấy CNQSD đất đã có chữ ký giả của ông T1 đến bộ phận văn thư thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện N đóng dấu rồi giao cho người dân. Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2017, bị cáo Huỳnh Văn C đã làm giả 13 Giấy CNQSD đất cụ thể như sau:

+ Giấy CNQSD đất số **BC 685855**, cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông Nguyễn Đức C1, bà Lê Thị My L, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum:

Vào năm 2015, bị cáo có giới thiệu vợ chồng ông C1, bà L mua lô đất của ông Hồ Đắc Th (trú tại số 56, đường X, phường K, quận N2, thành phố Đà Nẵng) và nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho vợ chồng ông C1, bà L. Sau đó, bị cáo đã làm giả Giấy CNQSD đất số BC 685855 giao cho ông C1, bà L.

Làm việc với Cơ quan điều tra, bà Lê Thị My L khai: Vì quen biết với Huỳnh Văn C và được Huỳnh Văn C giới thiệu mua đất nên đồng ý mua và có nhờ Huỳnh Văn C làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất; không đưa khoản tiền gì cho Huỳnh Văn C. Ông C1, bà L không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

+ 02 Giấy CNQSD đất số **BC 685854**, cấp ngày 07/01/2017 và Giấy CNQSD đất số **BC 685879**, cấp ngày 01/12/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị Anh Th1, trú tại số 166, đường L2, thành phố K, tỉnh Kon Tum:

Vào tháng 11/2016 và tháng 11/2017, bị cáo có giới thiệu cho bà Nguyễn Thị Anh Th1 mua đất và nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho bà Th1. Sau đó, bị cáo đã làm giả 2 Giấy CNQSD đất số BC 685854 và số BC 685879 giao cho bà Th1.

Làm việc với Cơ quan điều tra, bà Nguyễn Thị Anh Th1 khai: Vì quen biết với Huỳnh Văn C và được Huỳnh Văn C giới thiệu mua đất nên đồng ý mua và có nhờ Huỳnh Văn C làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Bà Th1 có đưa cho Huỳnh Văn C số tiền 7.800.000 đồng là tiền môi giới mua bán đất và làm thủ tục cấp 02 Giấy CNQSD đất trên. Bà Th1 không biết 02 Giấy CNQSD đất trên là giả.

+ Giấy CNQSD đất số **BT 212905**, cấp ngày 27/6/2016 đứng tên ông Vũ Hoàng D, trú tại tổ 8, phường H2, thành phố P2, tỉnh Gia Lai. Ngày 08/10/2018, xác nhận chuyển nhượng cho ông Bùi Xuân V, trú tại tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện N:

Vào khoảng tháng 4/2016, do quen biết ông Hồ Đắc Th là người bán lô đất trên cho ông Vũ Ng (bố của Vũ Hoàng D) nên bị cáo có nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Sau đó, bị cáo đã làm giả Giấy CNQSD đất số BT 212905 giao cho ông Ng.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Hồ Đắc Th và ông Vũ Ng khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết với Huỳnh Văn C; không đưa khoản tiền gì cho Huỳnh Văn C. Ông Th, ông Ng không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

+ Giấy CNQSD đất số **BT 212406**, cấp ngày 09/9/2016 đứng tên ông Trần Quang V1, bà Trần Thị H3, trú tại K1, phường Đ3, Thanh Hóa. Ngày 10/7/2019, xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Ch, bà Trần Thị Kh, trú tại tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum:

Vào khoảng tháng 7/2016, do quen biết ông Phạm Văn Ch nên bị cáo nhận làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Sau đó, bị cáo đã làm giả Giấy CNQSD đất số BT 212406 giao cho ông Ch.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Phạm Văn Ch khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết Huỳnh Văn C nên nhờ làm giúp; không đưa khoản tiền gì cho Huỳnh Văn C. Ông Ch không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

+ 02 Giấy CNQSD đất số **BT 212421**, cấp ngày 12/10/2016 đứng tên ông Hà Ngọc B, bà Võ Thị Bích Ng1, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum và Giấy CNQSD đất số **BT 212422**, cấp ngày 12/10/2016 đứng tên

ông Bùi Văn T2, bà Bùi Thị L3, trú tại thôn 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum:

Vào khoảng tháng 8/2016, do quen biết ông Hà Ngọc B nên bị cáo nhận 2.000.000 đồng từ ông B để làm thủ tục cấp 2 Giấy CNQSD đất. Sau đó, bị cáo đã làm giả Giấy CNQSD đất số BT 212421 giao cho ông B và Giấy CNQSD đất số BT 212422 giao cho ông Tuấn.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Hà Ngọc B và ông Bùi Văn T2 khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết ông Huỳnh Văn C nên nhờ làm giúp và có đưa cho Huỳnh Văn C 2.000.000 đồng tiền làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Ông Hà Ngọc B và ông Bùi Văn T2 không biết 2 Giấy CNQSD đất trên là giả.

+ 02 Giấy CNQSD đất số **BT 212432**, cấp ngày 02/9/2016, đứng tên ông *Bùi Quang V3*. Ngày 25/7/2017, xác nhận chuyển nhượng cho *Đặng Đức Đ4*; sinh năm 1978, *Trần Thị N3*; sinh năm 1982; trú tại tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện N và Giấy CNQSD đất số **BT 212430**, cấp ngày 12/10/2016; đứng tên: *ông Hoàng Trung Ph, bà Dương Thị H5*; trú tại thôn 1, xã Đ4, huyện N, tỉnh Kon Tum. Ngày 30/10/2017, xác nhận chuyển nhượng cho *Huỳnh Văn Th2*; sinh năm 1967, *bà Nguyễn Thị Tr*; sinh năm 1975; trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện N.

Vào năm 2016, bị cáo có mua của ông Hồ Đắc Th 02 lô đất và nhờ người khác đứng tên. Vào khoảng tháng 9/2016, do cần thanh toán tiền mua đất cho ông Th nên bị cáo đã làm giả 2 Giấy CNQSD đất số BT 212430 và số BT 212432 với mục đích để vay vốn Ngân hàng. Đối với Giấy CNQSD đất số BT 212430, bị cáo sử dụng vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Công thương N với số tiền là 900.000.000 đồng. Đối với Giấy CNQSD đất số BT 212432, bị cáo sử dụng vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Ngoại thương N với số tiền là 800.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thanh toán toàn bộ số tiền đã vay với Ngân hàng và nộp lại 02 Giấy CNQSD đất trên.

Ông Huỳnh Văn Th2 khai nhận: Do Huỳnh Văn C là em trai có nhờ đứng tên trên hồ sơ chuyển nhượng nên nhận đứng tên giúp Huỳnh Văn C; không biết Giấy CNQSD đất trên là giả. Ông Bùi Quang V3 khai: Có quen biết với Huỳnh Văn C nhưng không biết gì về việc bản thân có đứng tên trên Giấy CNQSD đất số BT 212432. Ông Đặng Đức Đ4 khai: Do quen biết với Huỳnh Văn C nên Huỳnh Văn C có nhờ đứng tên trên hồ sơ chuyển nhượng; không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

+ Giấy CNQSD đất số **BT 212492**, cấp ngày 09/01/2017 đứng tên ông Nguyễn Đức Th4, bà Phạm Thị Ph2, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum:

Vào khoảng cuối năm 2016, do quen biết ông Phạm Văn Th5 là bố của bà Ph2 nên bị cáo nhận hồ sơ tặng, cho để làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Sau đó, bị cáo đã làm giả Giấy CNQSD đất số BT 212492 giao cho ông Th5.

Làm việc với Cơ quan điều tra, ông Phạm Văn Th5 khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết với ông Huỳnh Văn C nên nhờ làm giúp; không đưa khoản tiền gì cho Huỳnh Văn C. Ông Th5 không biết Giấy CNQSD đất trên là giả.

+ 03 Giấy CNQSD đất số **CH 079343** cấp ngày 19/5/2017 và **CH 079344**, cấp ngày 19/5/2017 đứng tên ông Trần Văn D1, bà Lê Thị O, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum và Giấy CNQSD đất số **CH 079345**, cấp ngày 19/5/2017 đứng tên ông Trần Văn Th6, bà Trần Thị Tr, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, Kon Tum.

Vào khoảng tháng 4/2017, do quen biết với ông Trần Văn D1 nên bị cáo đã nhận hồ sơ chuyển nhượng và số tiền 150.000.000 đồng tiền nộp thuế của 03 lô đất từ gia đình ông D1 để làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Sau đó, bị cáo đã làm giả 02 Giấy CNQSD đất số CH 079343 và số CH 079344 giao cho vợ chồng ông D1, bà O và Giấy CNQSD đất số CH 079345 giao cho vợ chồng ông Th6, bà Tr. Về số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo khai đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Ông D1, bà O và ông Th6, bà Tr khai: Việc nhờ Huỳnh Văn C làm Giấy CNQSD đất là do quen biết với ông Huỳnh Văn C nên nhờ làm và có đưa cho Huỳnh Văn C số tiền 150.000.000 đồng để làm thủ tục đóng thuế. Vợ chồng ông D1, bà O và ông Th6, bà Tr không biết các Giấy CNQSD đất trên là giả; về số tiền 150.000.000 đồng, sau khi sự việc xảy ra, ngày 26/2/2020, Huỳnh Văn C đã thanh toán lại số tiền 150.000.000 đồng cho vợ chồng ông D1, bà O và ông Th6, bà Tr.

Về nguồn gốc đất trên các Giấy CNQSD đất làm giả: Đối với 02 Giấy CNQSD đất số BT 212430; BT 212432 thực tế 02 thửa đất này là của bị cáo nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Đắc Th và nhờ người khác đứng tên. Đối với 11 Giấy CNQSD đất số: BC 685854, BC 685855, BC 685879; BT 212406, BT 212421, BT 212422, BT 212492; BT 212905; CH 079343, CH 079344, CH 079345 thực tế là của các hộ, cá nhân đã đứng tên trên các Giấy CNQSD đất trên; là người được sử dụng đất từ việc nhận chuyển nhượng hoặc được tặng,

cho đất và đã nhờ bị cáo Huỳnh Văn C làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Những người này không biết việc bị cáo đã làm giả các Giấy CNQSD đất trên.

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N xác định: Hiện nay, tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N không có hồ sơ địa chính gốc của 13 Giấy CNQSD đất trên.

Ông Vương Văn T1 - nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện N (hiện nay là Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum) xác định: Đối với chữ ký tên Vương Văn T1 trên 13 Giấy CNQSD đất trên không phải chữ ký của ông T1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kon Tum đã thu hồi được 12 Giấy CNQSD đất và tiến hành trưng cầu giám định, kết quả xác định: Các chữ ký “Vương Văn T1” trên 12 (mười hai) Giấy CNQSD đất trên không phải do ông Vương Văn T1 ký ra. Riêng Giấy CNQSD đất số BC 685854 do Huỳnh Văn C đã tiêu hủy nên không có cơ sở để tiến hành giám định.

Văn phòng HĐND và UBND huyện N xác định không tiếp nhận hồ sơ và trình lãnh đạo UBND huyện ký xác nhận vào 13 Giấy CNQSD đất trên.

Bà Vũ Thị H4 và Nguyễn Thị Thanh C2 là các cán bộ văn thư HĐND và UBND huyện N xác định: Có đóng, chụp dấu tròn UBND huyện N, dấu chức danh “Phó Chủ tịch” và dấu tên “Vương Văn T1” vào 13 Giấy CNQSD đất trên khi bị cáo đưa bộ phận văn thư đóng dấu thì trên các Giấy CNQSD đất trên đã có chữ ký ông Vương Văn T1. Bản thân bà H4, bà C2 không biết việc chữ ký ông Vương Văn T1 trong 13 Giấy CNQSD đất là chữ ký giả.

Số tiền bị cáo có được từ việc làm giả các Giấy CNQSD đất trên tổng cộng là: 1.859.800.000 đồng gồm: Vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Công thương N với số tiền là 900.000.000 đồng. Vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Ngoại thương N với số tiền là 800.000.000 đồng. Nhận từ vợ chồng ông D1, bà O và ông Th6, bà Tr số tiền 150.000.000 đồng. Nhận từ bà Nguyễn Thị Anh Th1 số tiền còn lại 7.800.000 đồng. Nhận từ ông Hà Ngọc B số tiền 2.000.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 02/4/2019, bị cáo đã thanh toán toàn bộ số tiền bị cáo vay 800.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng Ngoại thương N và ngày 12/12/2019, bị cáo đã thanh toán toàn bộ số tiền bị cáo vay 900.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng Công thương N. Ngày 26/2/2020, bị cáo đã thanh toán lại số tiền 150.000.000 đồng cho vợ chồng ông D1, bà O và ông Th6, bà Tr. Đối với số tiền 7.800.000 đồng từ việc môi giới bán đất và nhận bồi dưỡng làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất của bà Nguyễn Thị Anh Th1; quá trình điều tra, bà Th1 không có yêu cầu trả lại. Đối với số tiền 2.000.000 đồng nhận của ông Hà Ngọc B, tại phiên tòa ông Hà Ngọc B xác nhận bị cáo đã trả 2.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

[2] *Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 16-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:*

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn C phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn C 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 41, khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự: Cấm bị cáo Huỳnh Văn C đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời hạn 05 (Năm) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

[3] *Kháng cáo:* Ngày 26-3-2021, bị cáo Huỳnh Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do các Cơ quan tố tụng sơ thẩm của tỉnh Kon Tum đã phát hiện trong cùng thời điểm, bị cáo Huỳnh Văn C ngoài việc giả mạo 13 Giấy CNQSD đất như đã xét xử thì còn có giả mạo 03 Giấy CNQSD đất khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã có Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã có văn bản số 365/KSĐT-P2 ngày 17-9-2021 đề nghị hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về lại cho các cơ quan tố tụng tỉnh Kon Tum để nhập vụ án, nếu xử lý bằng 02 vụ án riêng sẽ gây bất lợi cho bị cáo, do đó cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hành vi phạm tội: Từ năm 2015 đến tháng 01/2017, bị cáo Huỳnh Văn C được giao nhiệm vụ làm Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N. Từ tháng 01/2017 đến tháng 8/2019, bị cáo được giao nhiệm vụ làm Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N.

Trong thời gian công tác từ năm 2016 đến năm 2017, bị cáo nhiều lần tiếp nhận, quản lý phôi Giấy CNQSD đất do Phòng Tài nguyên và môi trường huyện N giao để thực hiện việc cấp Giấy CNQSD đất cho người dân. Bị cáo lợi dụng việc được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, sử dụng phôi Giấy CNQSD đất đã không thực hiện việc đăng ký đất đai, hồ sơ địa chính theo đúng trình tự, thủ tục quy định về việc cấp Giấy CNQSD đất, mà tự ý cập nhập thông tin của người dân, thông tin về thửa đất vào phôi Giấy CNQSD đất, rồi tự ý ký giả chữ ký của ông Vương Văn T1 - Phó Chủ tịch UBND huyện N; sau đó mang Giấy CNQSD đất đã có chữ ký giả của ông T1 đến bộ phận văn thư thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện N đóng dấu. Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2017, bị cáo đã làm giả 13 Giấy CNQSD đất gồm số: BC 685854, BC 685855, BC 685879; BT 212905; BT 212406, BT 212421, BT 212422, BT 212430, BT 212432, BT 212492 và CH 079343, CH 079344, CH 079345.

Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định bị cáo Huỳnh Văn C đã phạm tội “*Giả mạo trong công tác*” với tình tiết định khung hình phạt là “*Làm, cấp giấy tờ giả với số lượng 11 giấy tờ giả trở lên*” theo điểm a khoản 4 Điều 359 Bộ luật Hình sự và đã tuyên phạt bị cáo 12 năm tù.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã có văn bản số 365/KSĐT-P2 ngày 17-9-2021 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án hình sự sơ thẩm với lý do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum phát hiện trong cùng thời điểm, bị cáo Huỳnh Văn C ngoài việc giả mạo 13 Giấy CNQSD đất như đã xét xử thì còn có giả mạo 03 Giấy CNQSD đất khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đã có Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo Huỳnh Văn C về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Giả mạo trong công tác và đã được phê chuẩn. Văn bản đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là hợp lý, việc nhập vụ án để xét xử toàn bộ các lần phạm tội “*Giả mạo trong công tác*” trong cùng một vụ án là có lợi cho bị cáo, thuận lợi cho các Cơ quan tiến hành tố tụng làm sáng tỏ các hành vi phạm tội trong vụ án. Do có tình tiết mới, khách quan tại giai đoạn phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Hình sự, hủy Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra theo quy định của pháp luật.

[3] Do hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét việc xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 16-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Huỳnh Văn C không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I, Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long